

Hoạt động và ảnh hưởng của cướp biển (wako) đến thương mại khu vực Đông Bắc Á thế kỷ XIV-XVII*

Nguyễn Thị Ngọc Thảo**

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Ngày nhận bài: 19/08/2021, ngày gửi phản biện: 14/12/2021, ngày duyệt đăng: 15/01/2022

Trong lịch sử các quốc gia Đông Bắc Á người ta thường nói tới những nhóm cướp biển “wako” với nỗi khiếp sợ. Sự tàn phá nặng nề của chúng là nỗi hãi hùng với cư dân và thương nhân trên biển. Hoạt động của “wako” đã gây ảnh hưởng lớn đến đến thương mại khu vực Đông Bắc Á thế kỷ XIV - XVII. Vì vậy, chính quyền Nhật Bản, Trung Hoa đã tiến hành nhiều biện pháp để hạn chế và tiêu trừ cướp biển. Do những thay đổi của tình hình kinh tế - xã hội khu vực và biện pháp ứng phó của mỗi quốc gia đến giữa thế kỷ XVII vấn nạn “wako” đã suy giảm. Tuy nhiên, buôn lậu và cướp biển không bị loại trừ hoàn toàn mà song hành tồn tại với hoạt động buôn bán hợp pháp. Buôn bán “quan phương” và “phi quan phương” dường như là hai phương diện bất biến, luôn hiện hữu trong hoạt động ngoại thương từ xưa đến nay.

Từ khóa: Đông Bắc Á, cướp biển, thương mại, “wako”

Mở đầu

Trong thư tịch cổ của Nhật Bản người ta thường nói tới những nhóm cướp biển “wako” với nỗi sợ hãi: “Năm 934 một nhà thơ nổi tiếng của Nhật Bản là Kino Tsurayuki làm tổng phiên Tosa trở về Kyoto đã miêu tả hành trình qua biển, ông có kể đến biện pháp chống cướp biển của người thuyền trưởng, sau này những du khách qua biển này cũng kể về sự hoành hành của bọn cướp biển” (George Sansom, 1994, tr.288). Qua đó, chúng ta có thể thấy hoạt động của cướp biển đã xuất hiện từ rất sớm nên thương mại biển của Nhật Bản và các quốc gia trong khu vực như Trung Quốc, Triều Tiên, Ryukyu bị đe dọa. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của mình tác giả đề cập nhiều đến hai chủ thể Trung Quốc và Nhật Bản bởi: Thứ nhất, Nhật Bản và Trung Quốc là hai quốc gia có số lượng thành viên tham dự các toán cướp biển “wako” đông đảo nhất và những ảnh hưởng bởi các toán cướp đó sâu sắc hơn cả, đồng thời có biện pháp tiêu trừ rõ ràng và quyết liệt. Thứ hai, trong điều kiện tiếp cận tư liệu về Triều Tiên và Ryukyu còn nhiều hạn chế nên chưa đề cập được một cách tỉ mỉ. Tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu và hy vọng sẽ có những lý giải thấu đáo hơn về chủ thể trên. Qua những nghiên cứu bước đầu, tác giả cố gắng kiến giải được một số vấn đề: “wako” là gì? Nguyên nhân hình thành, thành phần của “wako”? Hoạt động, ảnh hưởng của “wako” đến thương mại khu vực Đông Bắc Á thế kỷ XIV - XVII và biện pháp tiêu trừ của các quốc gia trong khu vực. Mặt khác,

** ngocthao1987@gmail.com

tác giả thiết nghĩ khi nghiên cứu vấn đề lịch sử thế giới và lịch sử khu vực mục đích cũng để hiểu rõ hơn về lịch sử Việt Nam nên tác giả dành một phần nhỏ để liên hệ và cho thấy sự ảnh hưởng của cướp biển và cách ứng xử của chính quyền Đàng Trong.

1. Khái quát một số vấn đề về “wako”

1.1. “Wako” là gì?

Theo các tài liệu cổ thì đầu năm 1223 những tên cướp người Nhật đã tấn công vào vùng ven biển của Triều Tiên và đó là lần đầu tiên xuất hiện tên gọi “wako” trong ghi chép châu Á. “Thuật ngữ “wako” được tạo nên bởi hai chữ cái “wa” có nghĩa là người Nhật Bản và chữ cái “k’ou” nghĩa là những tên cướp. Từ đây, thuật ngữ “wako” được dịch là những tên cướp biển Nhật Bản, “*giặc Nhật Bản*” tiếng Việt dịch ra là bọn “*hoa khấu*” hay “*hòa khấu*”, “*nụy khấu*” - *giặc lùn...*” (Kwan-wai So, 1975, p.1). “Wako” là một từ dùng để chỉ những tên cướp biển là người Nhật Bản nhưng sau đó có sự lầm lẫn của các cư dân vùng bị bọn cướp tấn công nên họ gọi tất cả các toán cướp hoạt động trong khu vực vùng biển Nhật Bản, Nam Trung Hoa và Đông Nam Á là “wako”.

1.2. Nguyên nhân hình thành “wako”

Việc hình thành các nhóm “wako” xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Trước tiên, trong thế kỷ XIII, Nhật Bản đã hai lần đương đầu với cuộc tấn công của quân xâm lược Mông Cổ. Mặc dù Nhật Bản đã chiến thắng nhưng tình hình kinh tế - xã hội Nhật Bản gặp khó khăn lớn. Kinh tế tiêu phong kiến khủng hoảng sâu sắc, tầng lớp võ sĩ suy yếu ngày càng rõ rệt và chính quyền quân sự lãnh đạo. Trong điều kiện đó, vùng duyên hải phía Tây của Nhật Bản hình thành nhiều toán cướp biển “wako”. Cùng với đó, những biến loạn chính trị kéo dài từ thế kỷ XIV đến XVI như chiến tranh Nam - Bắc Triều kéo dài 59 năm (1333 - 1392), “*loạn Onin*” năm 1457 và nội chiến Sengoku (1490 - 1600) khiến trật tự xã hội Nhật Bản bị xáo trộn. Nhật Bản trở nên khan hiếm hàng hoá trầm trọng, hàng hoá sản xuất ra không đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng. Sự sách ghi lại “*Nhật không đủ tài chính và lượng hàng cần thiết để mua bán và trao đổi các sản phẩm có giá trị cao của thị trường khu vực, nên không còn cách nào khác nhiều toán wako phải dùng đến biện pháp cướp bóc các đoàn thuyền buôn để bù đắp cho sự thiếu hụt hàng hoá đó*” (George Sansom, 1994, tr.289). Bên cạnh đó, lực lượng binh lính từng chống quân Mông Cổ hoặc những chiến thuyền nhỏ đã từng chờ binh lính tới Kyushu¹ bị quên lãng sau khi chiến tranh kết thúc. Họ bị chính quyền bạc đãi nên cũng trở thành cướp biển “wako”.

Ngoài ra, nhiều quan chức thời kỳ đó cho rằng: nguyên nhân chính của nạn cướp biển là lệnh cấm buôn bán đường biển. Các nhóm “wako” hình thành chính là hệ quả của chính sách “*hải cấm*” của chính quyền nhà Minh ở Trung Hoa. Để giành độc quyền về hàng hải trong khu vực và chống lại áp lực của thực dân Bồ Đào Nha nên từ năm 1532 nhà Minh đã thực hiện chính sách “*hải cấm*”. Theo đó, chính quyền Trung Hoa chỉ cho phép những đội thuyền chính thức của hoàng đế ra nước ngoài buôn bán. Triều đình Trung Hoa đã đưa ra quyết định là phong toả ngoại thương với Nhật Bản, đồng thời xử trọng tội với những người buôn bán với nước ngoài. Dưới tác động của chính sách này, quan hệ giao thương vô hình chung lọt vào tay bộ phận buôn bán *phi quan phương*. Đó chính là những kẻ buôn lậu và cướp biển “wako”. Những phản ứng của triều đình nhà Minh đã góp phần cho hoạt động cướp biển và buôn lậu phát triển mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

¹ Kyushu là hòn đảo lớn thứ 3 trong 4 đảo chính của Nhật Bản, nằm ở phía Tây Nam Nhật Bản.

Mặc dù chính quyền Trung Hoa ban hành lệnh “*hải cấm*” nhưng chính thương nhân người Trung Quốc vẫn tiến hành hoạt động buôn lậu, cướp biển, lẩn trốn sự kiểm soát của quan chức triều Minh. Nhóm này đặt căn cứ ở Triết Giang, Phúc Kiến và Quảng Đông. Những hoạt động giao thương trên biển không thể thoát khỏi sự tấn công của bọn cướp biển. Sau này, hoạt động đó còn có sự dự nhập thêm bởi các thương nhân Bồ Đào Nha. Năm 1519, Nhật Bản vẫn được phép buôn bán với Trung Hoa nhưng sự kiện những người chỉ huy Bồ Đào Nha đã cư xử thô bạo ở Quảng Châu đã gây ảnh hưởng đến hoạt động giao thương này. Điều này khiến triều đình nhà Minh cấm thương nhân Bồ Đào Nha hoạt động. Do vậy, các thương nhân Bồ Đào Nha quay ra buôn lậu và lẩn trốn ở nhiều nơi.

1.3. Thành phần của “wako”

Từ nguyên nhân hình thành các nhóm “wako” cho thấy thành phần của “wako” rất phức tạp. Các cư dân ở nhiều vùng, nhiều quốc gia và nhiều tầng lớp khác nhau trong khu vực kết thành các nhóm cướp biển. Trước tiên, cướp biển “wako” chính là người Nhật; “*Trong suốt thời kỳ Eisho và Taiei (1504 - 1527), các binh lính từ các đảo hay vùng bờ biển của Iyo đã liên kết thành băng nhóm kéo vào đất liền hoạt động cướp biển và trở nên giàu có; những tên cướp biển cướp bóc ở các thị trấn ven biển và cướp lấy hàng hoá của cải làm giàu cho chính họ*” (Kwan-wai So, 1975, p15). Bên cạnh đó, những kẻ không tham gia vào nội chiến thường tham gia vào các nhóm cướp biển. Họ chuyên làm nghề buôn lậu, bắt cóc, trộm cướp ở bờ biển Triều Tiên và các đảo Sơn Đông. Hơn nữa, điều kiện chính trị - xã hội Nhật Bản bất ổn nên số lượng của “wako” càng ngày càng đông lên.

Mặt khác do triều Minh đưa ra chỉ dụ “*không thể mất một tấc đất với cướp biển, không một chiếc thuyền nào được ra biển*” (George Sansom, 1994, tr.436) nên những người chuyên sống bằng nghề buôn bán trên biển, những người chuyên nghề chèo thuyền và đánh cá cũng trở thành cướp biển. Họ cắt bỏ đuôi sam cạo trọc đầu và ăn mặc như “wako” Nhật Bản, nên không thể phân biệt họ với người dân. Thực sự, cướp biển thành một nghề của không ít gia đình từ đời này sang đời khác. “*Từ những ví dụ sinh động trong văn học thời Gia Tĩnh (1522 - 1566) có một điều chắc chắn, cái gọi là wako thực chất thành phần là người Trung Hoa mặc dù người Nhật Bản cũng chiếm một vài phần trong đó. Người Trung Hoa không chỉ chiếm số lượng lớn trong những đoàn wako mà còn giữ vai trò lãnh đạo*” (Kwan-wai So, 1975). Bọn cướp biển gồm “*cả người Trung Hoa và người Nhật Bản với tỷ lệ cứ 10 người Trung Hoa có 1 người Nhật hoặc cứ 10 người Trung Hoa có 3 người Nhật*” (George Sansom, 1994, tr.437). Tất cả bọn chúng bắt kê thành phần xuất thân ra sao đều được gọi chung bằng cái tên “wako” nghĩa là “*cướp biển Nhật Bản*”.

Khi “wako” phát triển cực thịnh tại Phúc Kiến thì trong một bức thư của Tsung-Ch'en-một trợ lý của quản lý tại Phúc Kiến gửi cho Hsu Chieh thư ký của tỉnh trưởng Triết Giang có viết như sau “*ở Phúc Kiến những tên cướp biển Nhật Bản chiếm 20 - 30% còn đa số là người Phúc Kiến. Họ là những người quay lại chống lại công quyền và không dễ dàng gì kiểm soát họ. Nếu cố gắng chèn ép để giảm bọn cướp biển ấy, đưa chúng vào khuôn khổ thì bọn chúng sẽ loạn lên như những lũ ruồi muỗi sau những cơn mưa sấm sảng chống trả lại*” (Kwan-wai So, 1975, p.30). Trong một bức thư khác của ông được viết vào năm 1563 cũng có nội dung tương tự “*có hai nhóm cướp biển ở Phúc Kiến: một nhóm có khoảng 30-40% là cướp biển người Nhật Bản, một nhóm khác có đến 60 - 70% là những tên trong vùng*” (Kwan-wai So, 1975, p.30). Tuy nhiên, đến nay chưa có bằng chứng nào về sự liên kết giữa các toán cướp biển. Có nhiều đoàn cướp biển, có những đoàn xuất hiện ở phía Nam từ tỉnh Hồ Nam, có những đoàn xuất hiện hoành hành ở Ninh Bá, Phúc Châu nơi đã từng là sào huyệt của bọn “*hoả khấu*” Trung Hoa vào thế kỷ XII. Mỗi đoàn hoạt động ở một khu vực khác nhau. Đôi khi rất khó để phân biệt giữa bọn cướp biển và những người buôn bán hợp pháp.

2. Hoạt động của “wako” trong thế kỷ XIV - XVII

Các đoàn cướp biển hình thành ở vùng duyên hải phía Tây Nhật Bản, tự trang bị vũ khí và hoạt động mạnh mẽ, tảo bạo không những trong phạm vi “*biển Nhật Bản*” mà còn mở rộng địa bàn cướp phá đến vùng biển Triều Tiên, Nam Trung Hoa và từng bước tiến xuống Đông Nam Á (Nguyễn Văn Kim, 2003, tr.14). Trong khoảng thế kỷ XIV - XVI, sử sách Trung Hoa có nhiều ghi chép về hoạt động của “wako”: “*Thời Minh Thế Tông, một bọn giặc biển Nhật thường quấy nhiễu miền ven biển Đông Nam. Chúng liên kết với bọn thổ hào, gian thương giết người cướp của, khiến an ninh vùng duyên hải luôn bất ổn. Lịch sử Trung Hoa gọi chúng là bọn “Nuy khấu” (cướp Nhật Bản). Năm 1553 bọn chúng câu kết với Hán gian Ônng Trực, Từ Hải tập trung mấy trăm hai thuyền, đổ bộ lên vùng biển Triết Giang, Giang Tô, phân thành mấy chục toán, tới cướp bóc hàng chục thành phố, thị trấn. Quan lại và binh sĩ ven biển không dám chống lại. Họ thấy chúng là bó chày”* (Lâm Hán Đạt, Tào Dư Chương, 2000, tr.348).

Các nhóm “wako” không chỉ tấn công bất ngờ vào những vùng ven biển mà còn tấn công sâu vào nội địa, trong số đó có các tỉnh bị tấn công nhiều như Triết Giang, Phúc Kiến, Quảng Đông... Cướp biển hoành hành ở phía Nam, từ Hồ Bắc, Hồ Nam đến Phúc Kiến, Quảng Đông, đổ bộ lên vịnh Hàng Châu cướp phá và lấy đi nhiều của cải, khiến nhân dân trong vùng khiếp sợ. “Wako” còn tổ chức những cuộc tấn công đến vùng biển Nam Kinh mặc dù vùng này được bảo vệ khá vững chắc. Trong một bức thư ngày 26/10/1534 của chính quyền trung ương Trung Hoa gửi cho chính quyền địa phương viết: “*Chúng tôi rất bức xúc về sự kiểm soát sự buôn lậu và cướp biển của chính quyền địa phương. Cướp biển bắt đầu hoành hành ở vùng Chili, Nam Kinh, Phúc Kiến, Triết Giang. Chúng ngang nhiên ra biển để thực hiện giao thương và cướp bóc của cải”* (Kwan-wai So, 1975, p.46). Nhân dân các vùng ven biển rất lo sợ trước sự tàn phá của “wako”, các thương thuyền e ngại buôn bán trên biển. Hoạt động thương mại trong khu vực vì thế cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ.

Thời kỳ này, Đảo Tsushima, vốn là lãnh thổ Nhật Bản, là căn cứ lý tưởng cho các cuộc tấn công của “wako” vào bờ biển Triều Tiên. Trong các dòng họ ở đó có người tộc trưởng họ Sô là chỉ huy đội an ninh, vốn có mối quan hệ doanh thương với Triều Tiên. Năm 1418 sau khi ông mất đi, con trai ông không đủ sức để quản lý các đảo nên quyền lực trên đảo bị thu tóm vào tay một tên trùm cướp biển là Wada Saemon Tarô. Sự kiện này làm cho Vua Triều Tiên quan ngại. Người ta thường thấy thập thoảng ngoài khơi những thuyền cướp biển đi về bờ biển Triều Tiên, một số đi về bán đảo Sơn Đông của Trung Hoa. Từng toán cướp biển tàn phá vùng ven biển và các đảo lân cận. Trong các nguồn sử liệu Trung Hoa và Triều Tiên ghi chép lại: “*bọn cướp biển đã cướp đi khối lượng lớn thóc lúa, ngũ cốc ở Triều Tiên và nhiều loại hàng hoá quý từ Trung Hoa như tơ lụa, tiền đồng... Trong nhiều cuộc tấn công bất ngờ, bọn wako bắt đi nhiều người để làm nô lệ”* (George Sansom, 1994, tr.442). Thời kỳ này mặc dù nông dân Nhật Bản đã được giải phóng nhưng chế độ nô lệ chưa bị xoá bỏ. Việc buôn bán nô lệ là bất hợp pháp nhưng mang lại nguồn lợi nhuận cao nên vẫn tiếp diễn trong thời đại Muromachi. Vì vậy, trong thời kỳ này, có nhiều văn kiện ngoại giao trao đổi giữa Nhật Bản và Triều Tiên đề cập đến vấn đề cho hồi hương của những người bị bắt.

Việc buôn bán bất hợp pháp vẫn diễn ra và có phần tăng lên do có sự đồng lõa của các quan chức Nhật Bản. Bên cạnh đó việc các lãnh chúa miền Tây còn ngầm ủng hộ và dung dưỡng cho hoạt động của nhóm “wako” vì những khoản đút lót hậu hĩnh. “*Yoshimitsu đã từng cử những phái đoàn thương mại chính thức tới Trung Hoa và núp dưới những phái đoàn chính thức để tới gặp tàu hải tặc. Những người thuộc giới cầm quyền ở Triều Tiên, Trung Hoa và Nhật Bản đối xử với chúng như những kẻ đi cướp bóc nhưng bản thân họ lại cho rằng họ là những thương gia tốt”* (Richard Bowring, Piter Kornicki (chủ biên), 1994, p.10).

Các toán cướp biển một phần do sự cám dỗ của nguồn lợi thu được, một phần do thích mạo hiểm nên hoạt động càng tàn bạo. Mặt khác, trong bối cảnh kinh tế Nhật Bản thiếu hụt hàng hóa nghiêm trọng, tài chính gặp nhiều khó khăn và hiệu lực kiểm soát của chính quyền Bakufu đối với giới quân nhân miền Tây suy yếu. Thế kỷ XVI, với sự sụp đổ của gia đình Ouchi năm 1551, chính quyền không có lực lượng nào kiểm soát được bọn cướp biển.

Do vị thế là một trung điểm trọng yếu trong hệ thống thương mại Bắc - Nam nên Đại Việt cũng sớm chịu sự tấn công của cướp biển. Tháng 10/1558 Thái sư Trịnh Kiểm dâng biểu lên Vua Lê, cử con của Nguyễn Kim là Đoàn quận công Nguyễn Hoàng đem quân vào trấn phủ Thuận Hoá cũng căn dặn “*để phòng giặc phía Đông*”. Nhà nghiên cứu Nhật Bản Iwao Seiichi có những ghi chép sớm về sự xuất hiện của người Nhật tại vùng biển Việt Nam cũng cho rằng, “*năm 1578 thuyền buôn Trung Hoa người Phúc Kiến là Trần Bảo Tùng chơ đồng, sắt và đồ gốm đến Quảng Nam bị thuyền hải tặc người Nhật bắt và mang về Nhật Bản*” (Iwao Seiichi, 1962, p.15). Năm 1578, hải tặc người Nhật đã đến Đàng Trong để buôn bán và cướp bóc.

Thời điểm này, rất khó để phân biệt những thương nhân hay những tên cướp biển. Trong Đại Nam thực lục tiền biên cũng ghi lại sự kiện “*năm 1585, Bạch Tản Hiến Quý chỉ huy 5 chiếc thuyền lớn đến đậu ở cửa Việt, cướp bóc ven biển. Chúa sai hoàng tử thứ sáu nhà chúa Nguyễn thống lĩnh 10 chiến thuyền lớn tấn công, đánh tan 2 chiếc, Hiến Quý bỏ chạy. Chúa cả mừng rỡ và nói rằng, con ta thật là anh kiệt và thưởng cho rất hậu. Từ đó giặc biển mới im hơi*” (Đại nam thực lục tiền biên, 1962, tr.37). Tuy nhiên, đến năm 1601 trong bức thư gửi cho Tướng quân Tokugawa Ieyasu và thư phúc đáp của Ieyasu vào năm này đều khẳng định: “*Bạch Tản Hiến Quý không phải là giặc cướp Tây Dương (người phương Tây) mà là người Nhật Bản tên là Hiến Quý (Kenki) - một thương nhân từ Nhật Bản đến buôn bán ở cửa Việt. Khi gặp Hiến Quý ở Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng đã thanh minh về sự hiểu lầm dẫn đến hậu quả đáng tiếc và tỏ ý muốn hai nước giao thương như trước*” (Ủy ban quốc gia - Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An, 1991, tr.171-172). Sự kiện trên đã mở đầu cho quan hệ giao thương giữa Nhật Bản và Đại Việt. Khi nói đến sự kiện này chúa Nguyễn Hoàng cho rằng “*do không biết Hiến Quý là thương gia tốt*” (Ủy ban quốc gia - Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An, 1991, tr.171-172) nên cuộc xung đột đáng tiếc đã xảy ra đồng thời mong phía Nhật bản bỏ qua việc trên để tiếp tục cử thuyền đến Đàng Trong buôn bán. Các nhóm “*wako*” hoành hành châu Á thời trung đại có khi là những thương nhân, có khi là những tên cướp, những kẻ buôn lậu. Bởi vậy mà việc lựa chọn đối sách phù hợp với các nhóm “*wako*” này thật không dễ dàng. “*Cướp biển và buôn bán, giao thương luôn luôn đan xen trong hoạt động của các nhóm wako. Khi hoạt động buôn bán suôn sẻ thì cướp biển trở thành thương nhân nhưng khi hoạt động giao thương trắc trở thì các thương nhân trở thành cướp biển*” (Kwan-wai So, 1975, Phần giới thiệu sách).

3. Ảnh hưởng của “*wako*” đến thương mại khu vực Đông Bắc Á thế kỷ XIV - XVII

Wako gây nhiều loạn trên biển, tạo ra những biến động cho hoạt động hải thương. Những cuộc tấn công bất ngờ trên biển làm các thương nhân rất hoang mang. “*Bọn cướp wako đã tổ chức những cuộc tàn phá quy mô lớn dọc theo duyên hải Triều Tiên và Trung Hoa chiếm đoạt nhiều tài sản và tàn sát dã man cư dân địa phương*” (Nguyễn Văn Kim, 2000, tr.125). Cả người Trung Hoa và người Triều Tiên đều sợ hãi vì “*wako*”. Các thương thuyền của người Trung Hoa bị tấn công bất ngờ, phải gánh chịu thiệt hại lớn về người và của cải. Điều này làm nảy sinh tâm lý e ngại của các đoàn thuyền buôn. Vấn nạn này còn gây ra những ảnh hưởng không nhỏ với nền thương mại của Ruykuy, Trung Quốc và Triều Tiên.

Xét một khía cạnh khác, với các cư dân ven biển Trung Hoa, Triều Tiên và Đông Nam Á thì nghề đi biển là nghề cơ bản của cư dân nơi đây nên chính sách “*hai cấm*” cực đoan đã tước đi con đường kiếm sống của họ. Vì thế, việc gia nhập các đoàn cướp biển góp phần giải quyết việc làm cho các cư dân ven biển đồng thời mang lại thu nhập cho họ. Trên một phương diện nào đó, cướp biển có thể coi như hoạt động buôn bán “*phi quan thương*” mang lại nguồn lợi nhuận lớn.

Mặt khác, hoạt động của “*wako*” tác động làm thay đổi vị thế của các quốc gia trong khu vực nhất là vương quốc nhỏ như Ryukyu. Trước ảnh hưởng đó, Ryukyu trở thành vị trí “*cửa ngõ*” nối liền Đông Bắc Á và Đông Nam Á. Do sự hoành hành ngang dọc của những toán cướp biển trên biển Trung Hoa, Triều Tiên và Đông Nam Á mang lại mối lo ngại lớn cho các thuyền nhân và thương nhân đến đây buôn bán. Cùng với đó, triều Minh không thể yên tâm mở rộng các hoạt động ngoại thương và đã ban hành chính sách “*toa quốc*” năm 1523. Điều này mở ra cho Ryukyu (một vương quốc nhỏ ở phía Tây Nam Nhật Bản) trở thành vị trí trung tâm của khu vực. Từ đây, Ryukyu được khai thác cả hai thị trường đầy tiềm năng Đông Bắc Á và Đông Nam Á.

Cướp biển và buôn lậu là một loại hình buôn bán “*phi quan phương*” vượt ra ngoài tầm kiểm soát của chính quyền nhà nước trong thời kỳ này. Khi hoạt động buôn bán “*quan thương*” bị chèn ép thì hoạt động “*phi quan phương*” phát triển một cách mạnh mẽ. Đó là lý do khiến hoạt động buôn lậu và cướp biển thời kỳ này được mở rộng trên phạm vi lớn. “*Việc buôn bán tư nhân đóng vai trò quan trọng trong hệ thống thương mại này. Hiện tượng cướp biển xuất hiện vào khoảng giữa thế kỷ XIV cũng là một bộ phận không thể thiếu trong hệ thống thương mại nhà Minh thời kỳ này*” (Lê Thị Khánh Ly, 2006, tr.134).

4. Biện pháp tiêu trừ “*wako*” của các quốc gia Đông Bắc Á

4.1. Trung Quốc

Trước những tai họa do cướp biển gây ra, chính quyền các nước trong khu vực đưa ra những chính sách khác nhau để hạn chế, ngăn chặn sự hoành hành của “*wako*”. Ở Trung Hoa, Hoàng đế nhà Minh (1368 - 1644) tìm nhiều cách để phòng vệ bọn cướp biển. Năm Hồng Vũ thứ 4 (1371) đã thực hiện chính sách “*đóng cửa*” để dành độc quyền thương mại hàng hải và chống lại áp lực của thực dân Bồ Đào Nha. Sau đó, chính quyền còn thực hiện chính sách “*hai cấm*” quy định chỉ có các đội thuyền chính thức của triều đình mới được ra nước ngoài buôn bán. “*Triều đình không cho nhân dân vùng duyên hải Trung Hoa buôn bán với nước ngoài, quy định ngày càng khắt khe hơn khi “wako” hoành hành ngày càng ác liệt, chủ trương “thôn bản bất hạ hải” - một tác gổ cũng không cho ra hải ngoại. Tình trạng này kéo dài 200 năm làm các sản phẩm truyền thống như tơ lụa, gốm sứ bị hạn chế ở thị trường Nhật Bản và ngăn cản thương nhân người Hoa ra nước ngoài buôn bán*” (Trịnh Tiến Thuận, 2002, tr.20). Các tàu buôn Trung Hoa bị cấm đi ra nước ngoài. Cư dân sông nước ở vùng biển được phép di cư sâu vào trong đất liền để tránh cướp phá của bọn cướp biển. Chính sách “*hai cấm*” mà Trung Hoa đưa ra không những không hạn chế được nạn cướp biển mà còn thúc đẩy cho hoạt động buôn lậu, buôn bán “*phi quan phương*” diễn ra mạnh mẽ hơn.

Thời Minh Thế Tông năm 1553, một bọn giặc biển Nhật thường quấy nhiễu vùng Đông Nam. Chúng liên kết với thổ hào, gian thương, giết người cướp của khắp nơi. Điều này làm cho miền duyên hải Trung Hoa rối loạn, mất an ninh. “*Sự quấy nhiễu của chúng khiến Minh Thế Tông gọi một tướng dưới quyền là Nghiêm Tung đến bàn cách đối phó. Đầu tiên họ cầu xin vị thần Đông Hải phù hộ tuy nhiên việc đó không có hiệu quả gì. Triều đình đã điều Thích Kế Quang (tướng chỉ huy Sơn Đông, ông là một anh hùng trong lịch*

sử Trung Quốc) về Triết Giang để đánh dẹp giặc biển tàn rở. Ông đã huấn luyện quân đội sử dụng thông thạo các loại vũ khí. Đội quân của ông có sức chiến đấu rất mạnh. Vài năm sau chúng tập kết vào Đài Châu (Lâm Hải, Triết Giang). Thích Kế Quang dẫn quân đến vùng giặc quấy phá. Cuối cùng giặc biển không chống nổi phải rút đi. Thích Kế Quang dùng pháo lớn bắn mạnh, thuyền bọn giặc bốc cháy bị tiêu diệt, số còn lại thì đầu hàng” (Lâm Hán Đạt, Tào Dư Chương, 2000, tr.349-350). Năm sau chúng chuyển sang vùng biển Phúc Kiến, chúng chia làm hai toán, một toán từ Ôn Châu đi xuống phía Nam chiếm cứ Ninh Đức một toán khác từ Quảng Đông đi lên phía Bắc chiếm cứ Ngưu Điền. Hai toán này hỗ trợ lẫn nhau tạo thành thế rất lớn. Thích Kế Quang dẫn quân cứu viện, ông điều tra địa hình hòn đảo. Ông hạ lệnh cho mỗi người mang một bó cỏ rải xuống thành con đường, theo đường đó ông tấn công trại giặc. Hơn hai ngàn giặc biển trên đảo bị tiêu diệt. Đến năm 1565, giặc biển đã được kiểm soát.

Trước sự hoành hành trắng trợn của các băng cướp biển, năm 1555 triều đình nhà Minh của Trung Hoa phối hợp với chính quyền Bakufu tiêu trừ cướp biển. Cùng với việc thu được một số thắng lợi trong việc tiêu trừ cướp biển, chính quyền nhà Minh điều chỉnh lại chính sách cho phép mở rộng việc buôn bán hợp pháp với Nhật Bản thì nạn cướp biển cũng giảm rõ rệt. Triều đình nhà Minh xoá bỏ lệnh cấm vận buôn bán với nước ngoài. Thuyền buôn được tự do đi biển. Họ đi xuống cả miền Nam tới các vùng biển Philippines, Indonesia và Malaysia.

4.2. Nhật Bản

Nhật Bản có những biện pháp kiên quyết để dẹp trừ cướp biển. Cuối thế kỷ XIV, “Yoshimitsu lệnh cho quân đội của mình tấn công thẳng vào sào huyệt và các đồn tiền tiêu của các bọn cướp biển ở các đảo I-ki và Tsushima. Những tên cướp biển bị phát hiện bị trừng trị không thương tiếc” (George Sansom, 1994, tr.278). Do vậy mà các hoạt động của wako có chiều hướng giảm. Hoàng đế nhà Minh gửi thư cảm ơn kèm theo nhiều tặng phẩm vàng bạc châu báu.

Chính quyền Nhật Bản cũng đưa ra chính sách mới nhằm bài trừ nạn hải tặc để củng cố sự tin tưởng cho các nước có thuyền đến buôn bán. Chính quyền Bakufu đã cấp cho thuyền Nhật những giấy phép đầu dò (shuinjo) xác nhận hoạt động của các thương thuyền. Theo đó các thuyền buôn, thuyền vận tải, thuyền đánh cá đều phải được đăng ký, kiểm tra. Các thuyền không đăng ký hoạt động bị coi là thuyền bất hợp pháp. Thời kỳ này được lịch sử gọi là thời kỳ Châu ấn Thuyền (1592 - 1635). Chế độ Châu ấn (shuin-jo) cấp giấy phép đầu tiên cho các thương thuyền đến buôn bán ở Macao, Đài Loan, Việt Nam, Campuchia, Ligor, Patani, Luzon và Siam. Thuyền Nhật Bản ra nước ngoài buôn bán phải có giấy phép của Châu ấn trạng. Nhiều thuyền này gọi là Châu ấn thuyền (shuisen). Đây được xem là thời kỳ hoàng kim của chế độ “shuinsen” và hoạt động ngoại thương Mạc phủ (1604 - 1635).

Ngày 29/8/1588 Toyotomi Hideyoshi (1536 - 1598) người có quyền lực chính trị cao nhất ở Nhật bản đã ban lệnh trừng phạt hải tặc cùng với lệnh tịch thu kiểm kê đảm bảo an toàn cho các đoàn thuyền buôn khi đến giao thương ở vùng “biển Nhật Bản”. Nhờ các biện pháp cương quyết ấy nạn cướp biển từng bước được hạn chế.

Kết luận

Nhìn chung, cướp biển “wako” được hình thành trong điều kiện Nhật Bản và các nước trong khu vực Đông Bắc Á có nhiều bất ổn. Thương mại biển của các quốc gia Đông Bắc Á chịu ảnh hưởng lớn của cướp

biên. Trước những thiệt hại mà cướp biển gây ra, chính quyền các nước đã có nhiều biện pháp để hạn chế và tiêu trừ hải tặc nhưng vẫn không thể loại bỏ “wako” một cách tuyệt đối. “Wako” tồn tại như hình thức buôn bán “*phi quan phương*” dự nhập vào hệ thống thương mại châu Á. Cùng với buôn bán “*quan phương*”, “wako” luôn song hành tồn tại qua các thời kỳ phát triển của lịch sử của các quốc gia Đông Bắc Á. Có thể nói, cướp biển không phải là vấn đề của riêng Nhật Bản hay khu vực Đông Bắc Á mà là vấn đề mang tính quốc tế, mang tính toàn cầu. Cho đến nay, nạn cướp biển vẫn xuất hiện bên cạnh hoạt động buôn bán hợp pháp như hai phương diện bất biến trong hoạt động hải thương thế giới.

Ghi chú:

* Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Khoa học Công nghệ của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho đề tài C.2020.27

Tài liệu tham khảo

1. Đại Nam thực lục tiền biên (1962). Q.2. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.37.
2. George Sansom (1994). *Lịch sử Nhật Bản*. Tập II. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.288.
3. Iwao Seiichi (1962), *Châu án thuyền và Phố Nhật*, Nxb. Hakusendo, Tokyo, tr.15.
4. Keith W. Taylor (2001). “Nguyễn Hoàng và khởi cuộc Nam tiến của người Việt”. Trong Những vấn đề lịch sử Việt Nam (nhiều tác giả) (2001). *Nguyệt san Xưa và Nay*. Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, tr.163.
5. Kwan-wai So (1975). *Japanese Piracy in Ming China during the XVIth Century*. Michigan State University, p.1.
6. Lâm Hán Đạt, Tào Dư Chương (2000). *Lịch sử Trung Quốc 5000 năm*. Tập 3. Nxb. Văn hoá thông tin, Hà Nội, tr.348.
7. Lê Thị Khánh Ly (2006). *Quan hệ vương quốc Ryukyu với Đông Nam Á thế kỷ XIV-XVI*. Luận văn Thạc sĩ Lịch sử, Chuyên ngành Lịch sử thế giới, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, tr.134.
8. Nguyễn Văn Kim (2000). *Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kì Tokugawa nguyên nhân và hệ quả*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr.125.
9. Nguyễn Văn Kim (2003). *Quan hệ Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV - XVII*. Giáo trình chuyên đề. Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.14.
10. Richard Bowring, Piter Kornicki (chủ biên) (1994). *Bách Khoa Thư Nhật Bản*. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân Văn, Trung tâm nghiên cứu Nhật Bản, Hà Nội, tr.10.
11. Trịnh Tiến Thuận (2002). *Quan hệ Nhật Bản - Việt Nam thế kỷ XVI - XVII*. Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Chuyên ngành Lịch sử trung đại, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội, tr.20.
12. Ủy ban quốc gia - Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An (1991). *Đô thị cổ Hội An*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.171-172.